

MỸ HẠNH DELUNE

hồi ký



2014 *gn*

Hội ký của Mỹ Hạnh Delune

Nguyên tác Pháp ngữ

Minh Thần dịch

© 2014 Arnaud Delune và Đặng Lan Thanh

Điện sách 10.2014 Góc Nhỏ

Trình bày Lê Nguyễn

Hình ảnh phụ bản của Mỹ Hạnh và một hội viên Hoa kỳ

Hồi ký của Mỹ Hạnh

Nguyên tác viết bằng Pháp ngữ

bản dịch của

Minh Thần

2014 *góc nhỏ*

Tôi sinh ngày 21 tháng 11 năm 1942 lúc 11 giờ 35 sáng tại xã Bình Hòa Gia Định, ngay bên cạnh Sài Gòn, thủ đô của Nam Việt. Tôi mang tên của bà Dương Quỳnh Hoa là người lớn hơn tôi 10 hay 12 tuổi, thuộc một gia đình có danh vọng trong xóm; ông cậu trẻ tuổi hơn của tôi cũng mang tên của hai người em gái (Hạnh và Đây) của bà Dương Quỳnh Hoa. Đó là vì theo tập tục của chúng tôi, người ta muốn con cái mình lấy tên một người thuộc một gia đình quý tộc hay có danh vọng, để mong cho nó có một tương lai tốt đẹp. Ngoài ra, lúc tôi sinh ra, trong đêm đó những đóa hoa cũng mang cái tên đó đã nở ra, và mẹ tôi luôn nói rằng chúng đang chào đón tôi. Sau này, tại trường y khoa, khi giáo sư Nguyễn Hữu lần đầu trông thấy tôi, ông liền nói: "À, đây là một cái tên tiền định."

Khoảng 3 tuổi, tôi đã biết đọc giờ giắc, trong khi mẹ tôi đã phải cực kì tốn công nhọc sức một cách vô ích, để dạy đọc cho một người lớn tuổi hơn tôi được bà tôi gửi tới để giúp việc trong nhà. Khi em trai tôi sinh ra, tôi không được ngủ trên giường mẹ tôi, mà phải ngủ trên giường mình. Điều đó tôi luôn phản đối bằng cách la khóc rất nhiều, và ông tôi đã dọa liệtng tôi từ ban công ra ngoài nếu tôi còn la hét. Thay vì câm lạng và bởi biết rõ ông sẽ không dám làm vậy, tôi lại còn khóc lớn tiếng hơn. Sau hai hay ba lần dọa nạt mà không có hiệu quả, ông thôi không làm chuyện đó nữa.

Lúc 4 tuổi tôi phân biệt được người tốt với kẻ tốt, và không để cho

những kẻ xấu mua chuộc mình.

Lúc khoảng 6 tuổi tôi nhìn thấy hình của chiếc tàu Exodus có đầy trẻ em Do Thái ngoài khơi của miền đất dành cho những người tỵ nạn Do Thái là những người sẽ lập nên quốc gia Israel.

Cuối năm Canh Dần 1950 qua năm Tân Mão 1951 tôi nhìn thấy hình vẽ một con Cọp đứng hai chân bỏ vào túi quần, và trò chuyện với con Mèo để bàn giao nhiệm kì.

Lúc tôi khoảng 8 tuổi, mẹ tôi đi Paris trong hơn 6 tháng, còn ba tôi và 3 đứa con bà thì ở nhà với ông bà ngoại. Đó là lúc tôi phát triển điều có gọi là lòng hận thù đối với ông bà ngoại, vì tôi có cảm tưởng ông đòi hỏi ở mình quá nhiều điều, những việc ngoài sức mình, nhưng sau này khi nghĩ kĩ lại chuyện đó, tôi thấy chính mình mới là kẻ thiếu kiên nhẫn.

Đó là thời kì bà tôi thường đến Hội Thông Thiên Học; đôi khi bà tôi đem tôi đi theo dự những buổi họp của Hội, và điều kì lạ là tôi có cảm tưởng mình đã biết hết tất cả, những chuyện tôi nghe nói chỉ là những sự lặp đi lặp lại. Thú thật là tôi đọc rất nhiều, tất cả những gì có trong nhà, kể cả cuốn Thánh Kinh bằng tiếng Việt mà những người theo đạo Tin Lành tặng cho. Trong Phúc Âm tôi thấy Vườn Địa Đàng được vẽ với những mạch nước phun như ở Yellowstone. Tôi cũng đọc tất cả những du kí của Alexandra Néel, những kí sự về những nhà tu hành Yoga trong cuốn "Hành Trình Về Phương Đông", và đối với tôi những sự du hành của linh hồn là chuyện thông thường, như chuyện ăn uống hay đi chợ. Thú thật là suốt đời mình tôi chỉ sống với sách vở, với những bức tường chất đầy loại sách; ngay cả sau khi đã thành thân, chung quanh mình vẫn còn đầy sách.

Dù sao, tôi đọc rất nhiều, vì mẹ tôi cấm chúng tôi không được chơi với những đứa trẻ khác ngoài đường phố: bà sợ chúng tôi sẽ bị nhiễm độc bởi những ngôn từ và lẽ lối ngoài đường, khiến tôi phải ở trong nhà và thú tiêu khiển duy nhất của tôi là đọc sách. Nên tôi đọc rất nhiều về đủ loại, về những chuyện thần bí, về những truyền thuyết của Trung Hoa và Việt Nam và nhiều loại khác, về chính trị cho tới những tiểu thuyết đủ loại, và tôi thích nhất là những tiểu thuyết trinh thám và khoa học giả tưởng.

Thời kì đó có những điều để lại dấu vết nơi tôi: kể từ nhiều tháng, đầu năm 1954, trong lúc đọc báo tôi thấy nói là tổng trưởng Nguyễn Văn Đỗ tuyệt thực trên bờ hồ Léman để phản đối sự phân chia Việt Nam thành hai miền: miền Bắc cho Cộng Sản Việt Nam và miền Nam cho chúng tôi. Tôi luôn luôn nói với ba tôi là người ta sẽ chia cắt đất nước chúng tôi thành hai miền, nhưng ông thì nói: “Con còn quá nhỏ để hiểu được, đó là điều trái với thiên lí, không ai có thể chia cắt một đất nước mà không được sự chấp thuận của nhân dân.” Nhưng đó là điều đã xảy ra ngày 20 tháng 7 năm 1954. Ba tôi vẫn còn nói việc đó chỉ tạm thời. Ngày 19 tháng chạp năm 1955 mẹ tôi đột ngột qua đời sau 3 ngày đau ốm, và điều lạ lùng là tôi đã không khóc nhiều, nhưng chính tôi lại là người an ủi bà ngoại mình bằng cách nói rằng mẹ đã không chết mà vẫn còn sống và đang theo một ông Thầy tại thế giới bên kia.

Nhờ vô tình được đọc những sách về huyền học và tâm linh trong tủ sách của ba tôi mà tôi được an ủi về cái chết của mẹ mình, nhưng trong kỳ thi gồm những học sinh giỏi của các trường trung học tôi cũng được giải thưởng an ủi hạng nhì về môn sinh vật học thực vật. Tôi không được sự đề bạt của thầy giáo (vì mình không thuộc trong con số ba người đứng nhất trong lớp) mà đã yêu cầu cho mình được ghi tên vào danh sách những người đi thi. Trong trường học của tôi chỉ có người bạn gái đứng hạng ba môn Anh văn của tôi và bản thân tôi là thí sinh. Điều tôi cũng thấy lạ lùng là trong lúc ở trung học có những lúc không hiểu tại sao bàn tay tôi thích viết cái tên Bình Minh.

Điều khiến tôi chú ý nhất là cuốn “Au Pied du Maitre” (Dưới Chân Thầy) của Krishnamurti. Tôi luôn mong rằng một ngày nào đó như Krishnamurti một ông Thầy sẽ đến kiểm mình trong lúc ngủ. Tôi tự nói với mình, Krishnamurti đã được thầy ông kêu gọi lúc 11 tuổi, tôi thì được 9 tuổi, như vậy tôi còn hai năm nữa để chuẩn bị. Nên mỗi đêm trước khi đi ngủ tôi thường tắm gội, trên giường tôi nằm hướng về phía tây để đợi chờ như Krishnamurti Thầy sẽ đến kiểm mình. Tôi bắt đầu lén lút ăn chay, vì lo sợ bố mẹ mình sẽ cấm. Nên tôi chỉ ăn cơm với rau cải mà không có thịt, cá và trứng. Liên tiếp như vậy trong 9 năm mà Thầy vẫn không đến tìm mình.

Lúc 18 tuổi, ngay trước khi đi thi Tú Tài Hai, tôi đau ốm vì mắc bệnh lao phổi. Sau này tôi biết được là chỉ dính tới màng phổi, vì không có lỗ và sự khạc ra máu. Điều đó khiến tôi phải điều trị trong một năm, theo những hiểu biết của lúc đó, và tôi thường bị ù tai.

Năm tôi đi thi Tú Tài Hai kỳ hai, người bạn gái thân nhất của tôi ở trung học đột ngột qua đời vì bệnh tim. Thất vọng vì không gặp lại bạn mình sau những lúc đi nghỉ hè về - nhóm chúng tôi gồm 7 người khá nhất trong lớp và chúng tôi đã hẹn gặp nhau để cùng đi thăm bạn mình - tôi đã khóc rất nhiều và thậm chí còn viết thư cho Krisnamurti để xin ông đi tìm bạn tôi mà hướng dẫn cô tại thế giới bên kia. Một tháng sau thư kí của Krisnamurti hồi đáp là ông thông cảm sự đau khổ của tôi và cầu nguyện cho bạn tôi. Điều đó tất nhiên không an ủi tôi được. Tôi không lúc nào không khóc, từ sáng tới tối, và đã làm ướt không biết bao nhiêu là áo gối mà cũng không muốn rửa sạch.

Tôi khóc đến nỗi cũng làm cho bà nội mình khóc theo, khi bà thỉnh thoảng tới thăm chúng tôi. Một buổi tối nọ, lúc rất khuya, tôi đã đi ngủ và còn đang khóc như thường lệ, thì chợt nghe thấy bạn mình đang gọi mình bên cạnh đầu mình. Tôi quay đầu về phía có tiếng gọi, và thực sự trông thấy bạn mình trong bộ đồ người ta mặc cho cô lúc đặt vào quan tài. Cô nói với tôi một cách thật rõ rệt: “Mình đây này, chính mình đây mà”. Kinh hoàng, tôi chợt hoàn toàn không còn khóc nữa. Bạn tôi cũng không trở lại nữa.

Vậy, đó là một năm quyết liệt đối với tôi; tôi thất vọng vì đã không gặp được Thầy, những sự cầu nguyện và ăn chay của mình cũng chẳng giúp được gì. Đối với tôi, đó phải là cái gì chỉ cho những người được ân sủng, còn tôi thì không thuộc hạng người đó vì mình không xứng đáng; hay đó chỉ là chuyện hoang đường, chỉ có thể thôi. Nên tôi quyết định sẽ không cầu nguyện nữa và ăn uống lại như bình thường; tôi nhận thấy như vậy thì ăn uống rất ngon và đó là điều mình đã thiếu thốn trong nhiều năm. Thật đáng tiếc, nhiều lúc tôi đã ăn uống gấp bội.

Vì luôn rất thích môn triết học và siêu hình học, tôi học hai năm về những môn đó tại Trường Văn Khoa ngay sau khi đậu Tú Tài, từ 1960 đến 1962, nơi tôi đậu khoá dự bị Văn Khoa với một giáo sư triết học là một thầy tu dòng Tên người Bỉ: ông đã cho tôi điểm cao nhất về triết học. Tôi cũng học môn Luật nhưng đã phải bỏ cuộc sau một tháng, vì tiếng Việt quá khó khiến tôi không hiểu được.

Tuy học trường Gia Long với một chương trình hoàn toàn bằng tiếng Việt nhưng mỗi tuần chỉ có 6 giờ tiếng Pháp và 3 giờ tiếng Anh, tôi đứng nhất môn Pháp Văn và đứng bét môn Việt Văn. Tôi được điểm cao nhất về triết học với thầy tu dòng Tên người Bỉ là nhờ tiếng Pháp của mình

mà ông chấp nhận trong bài luận về triết học đáng lí ra phải viết bằng tiếng Việt.

Chiến tranh xảy ra trong lúc chúng tôi hưởng cảnh thanh bình từ 1957 tới 1958. Tôi thấy mình bất lực trước những đau đớn của những đứa trẻ bị thương mà mình đã gặp. Tôi tự nói với mình triết học là cái gì tốt cho tinh thần nhưng chẳng dẫn tới đâu hết. Tôi không thể chữa lành các vết thương để cứu giúp người ta. Khi tôi cho ba mình biết về quyết định học y khoa của mình, ông nói rằng tôi học Văn Khoa rất được và cứ việc tiếp tục học khiến sẽ tốt nghiệp trong khoảng hai năm. Còn nếu tôi đổi qua học Y Khoa thì sẽ mất tới 7 năm, nếu không là 14 năm và ông sẽ không đủ tiền để tài trợ cho tôi.

Tôi rất bực mình, làm sao tôi lại không thể học xong Y Khoa trong 7 năm, mà phải mất tới 14 năm, một kẻ thông minh hơn một vài bạn học của mình là những người hiện đã học hai năm Y Khoa (đúng ra là ba năm nếu kể luôn cả năm dự bị). Tôi nói với ba mình là mình đã dứt khoát. Nếu ông không đủ tiền thì tôi sẽ xoay sở bằng cách trồng nấm đen trong vườn rau ông bà mình, chẳng hạn vậy, hay đi dạy học thêm. Tôi đi dự thi vào Y Khoa, và bởi cho là mình đã không thi đậu, nên tôi không đi coi kết quả. Nhờ một người chị em một đứa bạn mình đã không thi đậu cho mình biết mà tôi mới biết được mình đã đậu.

Đến trường Y Khoa thì trước hết qua đường Trần Quý Cáp rồi đổi qua đường Hồng Thập Tự, nhưng từ nhà mình tôi phải đi bằng xe đạp trên một đoạn đường dài hơn: tôi lấy đường Phan Thanh Giản, qua Ngã Sáu, vì có 6 con đường hội tụ tại đó, rồi mới đến đường Hồng Thập Tự. Trước khi đến trường Y Khoa, tôi trông thấy trên một bức tường một toà nhà lớn chữ SUBUD viết rất lớn, chiều cao khoảng một mét. Tôi nghĩ trên khắp thế giới chỉ ở Việt Nam người ta mới viết chữ SUBUD lớn như vậy. Tôi tìm cách phân tích chữ đó để hiểu được nó có nghĩa gì. Tôi tự nói với mình BUD thì chắc là Budhisme (Phật giáo) còn Su là Société (Hội) nhưng tại sao lại có U? Nhiều lần tôi tự nói với mình có lẽ đó là cái tên của một nhà sửa xe hơi.

Xin nhắc lại là trong năm 1962 tôi học trường Khoa Học cho năm dự bị vào Y Khoa. Trường đó gần trường trung học Pétrus Ký, nhưng hồi đó khi đi ngang qua con đường đó tôi chưa trông thấy chữ Subud trên nền tường. Chỉ sau này mới có, tôi không còn nhớ rõ, nhưng đó là điều khiến tôi luôn thắc mắc. Tôi không còn quan tâm nữa tới những chuyện tâm linh như khi còn nhỏ: tôi vui chơi, đi xi nê hầu như mỗi tuần, và bởi phải học hành chăm chỉ để khỏi bị thi rớt những kỳ thi tại trường Y Khoa, nên tôi không còn dám đọc nữa những sách triết học hay thông thiên học, mà chỉ đọc những sách Y Khoa mà tôi mua rất nhiều bằng tiếng Pháp, đặc biệt những cuốn bằng tiếng Anh vì hiện đại hơn những bản dịch bằng tiếng Pháp.

Tôi vào nội trú với hạng trung bình. Tôi học một năm trọn vẹn về khoa mổ xẻ, trước hết là phương pháp hồi sinh phẫu thuật, kế đến là phẫu thuật thần kinh. Đó là những môn thực tập mà những người mới vào Y Khoa thường bỏ, vì mọi người đều trước hết chọn môn phẫu thuật tổng quát, môn chấn thương, môn phẫu thuật nhi đồng vì chiến tranh, thay cho môn y khoa và môn phụ sản. Sau môn phẫu thuật, tôi lấy môn phụ sản, vì môn đó không khác với môn phẫu thuật tổng quát để đến học kỳ kế tiếp lấy môn y khoa, vì những người đi trước tôi luôn nói rằng những nội trú đã xong môn phẫu thuật thì ít làm lẫn trong lúc chẩn đoán trong môn y khoa.

Ngày 1 tháng 5 năm 1968 tôi đến viện Hộ Sinh Từ Dũ để thực tập trong lúc nội trú. Điều này xảy ra ngay sau biến cố Tết Mậu Thân là lúc Cộng sản vào Sài Gòn như vào chỗ không người, và đã vây hãm thành phố trong hơn một tháng. Cô em gái tôi bị kẹt nơi đó trong gần hai tháng mà không có gì ăn uống, với một người bà con đến giúp việc và nấu ăn cho chúng tôi, khiến cho ngay sau đó tôi thúc giục cô lấy bất cứ một học bổng nào để có thể đi khỏi Việt Nam. Nên em gái tôi đã bỏ học Văn Khoa để qua Canada học môn Liệu Pháp Sinh Lý (Physiothérapie) và môn Hồi Phục Chức Năng Thể Xác (Rééducation Physique). Ngày 1 tháng 5 năm 1968, khi đến viện Hộ Sinh Từ Dũ, nơi để những xe hai bánh, tôi nghe thấy một tiếng gọi thân thiện chào hỏi mình.

Tôi quay đầu lại và nhìn thấy Lan Thanh đã chưa từng chào hỏi mình như vậy. Tôi đã quên đi điều này khi mình là nội trú thì mọi người đều quen biết mình. Nhất là khi tất cả khoá của chúng tôi chỉ gồm 29 thay vì 35 người, vì những người khác không đủ trình độ. Đó là một cuộc tuyển chọn, không là một cuộc thi hạch. Lan Thanh và tôi đã từng làm việc chung nơi khu phẫu thuật, và tôi ngạc nhiên vì sự nhã nhặn của cô với những người khác, với bạn bè mình và các bệnh nhân, một sự nhã nhặn thoát ra từ thân thể cô. Một hôm cô hỏi tôi có thể mua cho cô những sách y khoa bằng tiếng Anh, vì tôi được quyền ưu tiên của những người nội trú, và đó là những sách mà cô có thể thiếu, nhưng tất nhiên chỉ khi nào tôi không cần tới. Vì đã mua những sách đó và thậm chí cũng chưa đọc, tôi vui lòng cho mượn mà không sợ sẽ không lấy lại được, chuyện đó tôi chưa từng nghĩ tới. Lan Thanh tỏ vẻ kinh ngạc vì cử chỉ của tôi.

Một vài ngày sau cô đưa cho tôi một cuốn sách bằng tiếng Việt để tạ ơn. Cô vẫn còn giữ những sách của tôi và nói rằng mình đang chuẩn bị thi ECFMG (Educational Commission For Medical Graduate) để qua Mỹ

tiếp tục học Y Khoa. Ngay sau khi học Y Khoa Lan Thanh làm việc tại viện Hộ Sinh với tư cách y sĩ phụ mà không phải vào nội trú. Những ai muốn nhanh chóng kiếm sống thường làm vậy. Khi có thì giờ tôi coi cuốn sách cô tặng cho mình - tôi tự hỏi không biết Lan Thanh cho mình mượn cái gì đây - và đọc thấy «Tìm hiểu Subud », còn dưới bìa sách là « Hội Subud Việt Nam ».

Phải biết là tôi đã lấy làm thất vọng và lo sợ. Tôi tự nói với mình nhân vật này trông có vẻ là người tốt nhưng sự thật thì không như người ta nghĩ, đương sự thuộc một môn phái nào đó và chắc có ý định lôi kéo mình. Chắc chắn là vậy với cái vẻ nhã nhặn của đương sự, nên mình phải coi chừng và hết sức cảnh giác. Lan Thanh đã khiến tôi sợ đến tái mặt là điều tôi chưa từng trải qua trong đời mình. Một mặt tôi muốn tránh cô, mặt khác cô như có một sức hấp dẫn rất mãnh liệt đối với tôi, tôi đi tìm cô, và thậm chí cảm thấy nhớ cô khi không gặp cô.

Hồi đó nhiều lần chúng tôi cùng đến giúp chị Tuyết (tháng 4 năm 1975 chị vào Subud trước lúc Sài Gòn thất thủ). Lan Thanh hỏi tôi có suy nghĩ về chuyện gì không, tôi nói ít khi mình suy nghĩ về những chuyện này nọ, đầu óc tôi thường trống không. Cô nói như vậy là rất tốt. Có lần cô mời tôi đến nhà, nơi chỉ có mình cô vì bố mẹ cô đã đi học. Cô mời tôi ăn mì khô với thịt bò thay vì thịt heo. Nhìn tủ sách nhỏ bé của cô, tôi trông thấy những sách mỏng đăng sau đề «Pewarta Subud » và có cảm tưởng như đã từng đọc nó. Lan Thanh nói với tôi rằng chắc chắn tôi đã chưa từng đọc, vì tôi không thể tìm thấy nó ở bất cứ đâu.

Về nhà khi trèo lên giường và trước khi buồn ngủ, tôi trông thấy như một chiếc khăn lớn một ánh sáng màu xanh lục rực rỡ nhưng không chói chang rớt xuống khuôn mặt mình. Khi tôi kể lại điều đó cho Lan Thanh, cô nói như vậy thì rất tốt. Tôi có cảm tưởng là ngoài những từ đó ra, cô không biết nói gì hơn, dụng ngữ của cô rất nghèo nàn vì đã học ở trường Marie Curie của Pháp. Cô cũng khiến tôi có cảm tưởng cô rất nghèo, vì cô chỉ ăn một trái cam Sunkit mà ăn luôn phần màu trắng dưới vỏ cam. Thế nên, mỗi lần được dịp đi chợ, tôi mua cho cô một trái cam Sunkit, nhưng cô vẫn tiếp tục ăn cam như thường lệ. Đối với tôi đó là cung cách của những người nghèo. Vì cô không bao giờ nói về gia đình cô cho tới khi tôi bước vào nhà cô, nên tôi đã không biết họ thực sự là ai, chỉ sau này dần dần tôi mới biết được.

Vì vẫn chưa đọc cuốn sách của cô, tôi tỏ vẻ dè dặt hơn khi nói chuyện với cô, và tôi cũng tránh nói tới những chuyện không liên quan tới y học. Cô là một kẻ mà tôi phải đề phòng. Một hôm cô hỏi tôi là người ta có thể nhịn ăn trong một tháng hay không. Tôi nói đó là điều gì bất thường, ai có thể làm vậy được mà không đau ốm hay ngứa xiu. Sau đó, chúng tôi không nói tới chuyện đó nữa.

Một hôm, có lẽ là trong tháng 11 năm 1969, tôi có một giấc mơ kì dị. Tôi trông thấy mình phải đi qua những đồi núi, những thác nước trong một khu rừng nguyên thủy, đi xuôi giòng một con sông rộng lớn trên một chiếc bè nhỏ bé chật hẹp chỉ có mình tôi. Tôi đến một thị xã lớn của

một vùng nhiệt đới mà mình chưa từng quen biết, với những pho tượng đây đó tại một nơi chốn rộng lớn. Có những đầu người đúc bằng đá đen hay xám đậm. Kể đến tôi đi tới một nơi trông như vùng ngoại ô của một thị xã, nơi đó thật xa nhưng tôi tức khắc đến đó được. Tôi trông thấy cánh cửa sơn màu trắng nhưng cũ xưa, bên phải là những cây ăn trái mà tôi nghĩ là cây mít, bên trái là một căn nhà thật đẹp màu trắng, với một thân cây to lớn và những bông hoa.

Trước mặt, tức là phía bên phải đối với căn nhà và đằng sau những cây mít, là một căn nhà rộng lớn bằng thứ gỗ cũng sơn màu trắng cũ xưa. Tôi thấy mình đứng trong một căn phòng có những phụ nữ thuộc tất cả các chủng tộc, đứng ra là những người da trắng, da vàng và da nâu đang nhẩy múa và ca hát trong một lúc khá lâu với một người đàn ông đứng giữa họ. Tôi đứng bên ngoài vòng người đó, và bên cạnh mình là một người bạn cũng là người hàng xóm, một phụ nữ Việt lai Pháp sinh sau tôi chỉ một ngày. Tôi thấy mình giải thích cho cô: “Bạn thấy đó, những người đàn bà này không tự mình cử động cũng không tự mình ca hát, họ được khiến cho làm như vậy.”

Sau đó, mọi người đến chỗ ngồi và lần này thì người đàn ông kể những chuyện tạo nên những tràng cười của mọi người trong phòng, nam và nữ. Sau một khoảng thời gian, người đàn ông đó không kể chuyện nữa, mà đi đây đó nhìn những người trong phòng. Tôi ngồi trên một chiếc ghế, và khi ông nhìn mình, tôi trông thấy cặp mắt màu xanh và bao la như đại dương của ông: tôi có cảm tưởng như bị đắm chìm trong thứ xanh đó. Cặp mắt ông nhìn tim tôi, và tôi như bị một cú điện mà trong thuật ngữ y học người ta gọi là thuật hồi tim (cardioversion).

Cú điện đó mạnh đến nỗi khiến tôi thức dậy, tim tôi còn đập rất mạnh, với một nhịp độ khác với lúc bình thường. Buổi sáng, khi tôi đến bệnh viện, tim tôi vẫn còn đập như vậy, điều đó như là sự thật, tôi đã không nằm mơ. Trên đường, tôi tình cờ gặp Lan Thanh cũng đến bệnh viện như tôi bằng xe gắn máy. Tôi kể cho cô hay chuyện đó, và tất cả những gì cô có thể nói chỉ là “tình trạng đó rất tốt.” Cô thực sự khiến tôi thất vọng. Nhân vật này trong đời mình chỉ biết nói “rất tốt”, ngoài ra không biết gì hơn.

Sau đó, có lẽ là ba hay bốn tuần, tôi dọn dẹp lại đầu giường mình gồm đống sách mình thường đọc trước khi ngủ. Khi lựa lọc những sách đó, tôi chợt thấy cuốn sách đã khiến mình lo sợ của Lan Thanh. Tôi mở sách

ra để đọc coi mình sẽ giữ hay liệng bỏ nó. Và tôi trông thấy gì đây! Có người đàn ông trong giấc mơ kì dị của mình trong sách. Tôi đọc cuốn sách đó, nhưng có điều khiến tôi lấy làm khó chịu là những kẻ la hét, ca hát như vậy, trông như những kẻ đồng bóng. Vậy, tôi đã có lí vì đã đề phòng những điều như vậy, nhưng với người đàn ông thì không. Lan Thanh vẫn không nói với tôi bất cứ gì, ngay cả khi tôi nói với cô rằng trong sách của cô mình đã trông thấy người đàn ông trong giấc mơ mình. Cô vẫn luôn nói “tình trạng đó rất tốt”, và chỉ có vậy. Thật khiến chán.

Tôi nghĩ có lẽ đó là ngày 7 tháng 12 năm 1969, lúc tôi có một giấc mơ khác. Lần này thì có màu sắc nhưng là một giấc mơ thật ngắn. Tôi trông thấy người đàn ông trong giấc mơ đầu tiên của mình mặc một bộ com lê thanh lịch màu nâu và mang một chiếc mũ hình nón màu đậm hơn hay màu đen (sau này tôi biết đó là chiếc peci). Ông trên trời trong khi tôi dưới đất ngước đầu lên nhìn ông. Ông nhìn tôi với một vẻ khá nghiêm khắc và lớn tiếng nói “đợi gì nữa mà không cho khai mở?": tôi có cảm tưởng những lời nói của ông nhập vào đầu, ngay cả nếu ông không lớn tiếng nói.

Khi thức dậy tôi đi kiểm cuốn sách của Lan Thanh, và tìm nơi mình đã đọc thấy từ “khai mở”. Khi tôi kể lại giấc mơ đó cho Lan Thanh, cô chỉ nói rằng sẽ dẫn tôi tới nơi cho tôi ghi tên làm hội viên dự bị, và độ một tháng rưỡi sau tôi sẽ được khai mở. Tôi nói là hãy để cho tôi thời gian suy nghĩ, vì tôi sợ những gì mình không quen biết, và sau khi hết sợ trong khoảng một hay hai tuần, tôi sẽ theo cô đi ghi tên. Nhưng tôi đã do dự nhiều, tôi tiến lên một bước để lùi lại hai bước, đến nỗi thay vì được khai mở cuối tháng giêng năm 1970, mãi tới tháng 3 tôi mới đi ghi tên làm hội viên dự bị với một danh số lớn hơn 1900.

Mỗi tuần tôi đến hội ngôi đợi chờ để chứng tỏ lòng chân thành của mình, nhưng không có ai giải thích cho tôi Subud, latihan, vân vân...là gì. Người ta để tôi ngồi trước cánh cửa phòng tập latihan của phái nữ đối diện cánh cửa của phái nam, nên tôi nghe thấy tất cả, nhất là tiếng của những người nam đang lớn tiếng ca hát. Đối với tôi tất cả những điều đó không gì hơn là đồng cốt. Tôi cảm thấy buồn bã khi nghĩ tới lúc mẹ mình mất có ai đó đã coi Lịch Sách của Trung Hoa hay Việt Nam và tiên đoán là mẹ tôi đã qua đời trong một ngày hay giờ xấu, nên các con cái sẽ trở thành ăn mày hay ông đồng bà đồng.

Ăn xin thì tôi đã là ăn mày ngoài đường để quyên tiền cho Hội Hồng

Thập Tự vì ba tôi làm việc cho Hội đó. Vậy, nếu bây giờ là bà đồng thì Lịch Sách đã tiên đoán đúng, chắc chắn vậy. Trong thời kì dự bị, tôi đọc hết ở Hội những sách không có là bao về Subud, và còn đọc nhiều lần. Một hôm tôi trông thấy trong danh sách những người sẽ được khai mở tên mình, tên vị phụ tá khai mở cho mình, và ngày tháng khai mở. Tôi còn nhớ là có một hội viên dự bị khác tên là Lý Ngọc Tuyết cũng đồng thời được khai mở như tôi. Nhưng tôi không biết chắc có phải là vậy hay không. Dù sao, ngày 24 tháng 4 năm 1970, tôi đã được bà Larashati khai mở như dự định.

Ngày mình được khai mở, tôi không còn nhớ những gì các vị nữ phụ tá đã nói, ngoài việc nhắm mắt lại và đợi chờ. Đó là điều tôi đã làm, trong khi nghe thấy chung quanh mình tiếng ồn ào của những người khác. Sau một khoảng thời gian không là bao, tôi cảm thấy từ trên cao có cái gì nhập vào đầu mình: nó vừa là cái gì như những kim châm, vừa là như vô số những ngôi sao rớt xuống đầu và vai mình, rồi bao bọc thân thể mình với một cảm giác ấm nóng rất thoải mái. Đồng thời một hơi gió nóng xoay quanh thân thể tôi, tiếp theo là những rung động nhẹ nhàng càng lúc càng trở nên mãnh liệt làm rung động bàn tay rồi cánh tay tôi nó lắc lư càng lúc càng nhanh.

Sau một khoảng thời gian trong lúc không muốn làm cho những cử động đó ngưng lại, tôi nghe thấy tiếng của một vị phụ tá nói là tập đã xong. Tôi ngưng lại và còn nhớ bà Mardi Ning Sih là người đầu tiên đến nói với mình: “Tốt quá, cô có rất nhiều điện lực.” Tôi nghĩ là các phụ tá khác cũng nói như vậy. Điều đó khiến tôi phải nhận là mình đã được khai mở, và trong ba ngày kế tiếp tôi cảm thấy như mình đang bay bổng trên mây. Tôi cảm thấy thoải mái đến nỗi muốn la hét cho các bạn bè và mọi người trong gia đình mình biết để họ vào Subud.

Trong những buổi latihan tiếp theo tôi tiếp nhận được nhiều kiểu động tác như những cử chỉ trong đời sống hằng ngày, cách chơi những nhạc cụ, những cử chỉ của nhà nông: tóm lại là tất cả những sinh hoạt của con người. Tôi còn nhớ là trong thời kì dự bị mình để ý thấy ở Hội trên một tấm bảng đen những thông tin về Hội Nghị Subud Thế Giới Thứ Tư ở Tjilandak, và việc Bapak nói rằng đi dự là rất quan trọng.

Tôi bàn điều đó với Lan Thanh, vì trong lúc tôi là hội viên dự bị Lan Thanh nói với tôi về cuộc sống kì diệu, tuyệt vời ở Tjilandak, về việc tại đó mình biết cách làm ra sao những điều này nọ mà không phải suy nghĩ,

vì chân mình sẽ tự động đem mình tới nơi mình phải đến, về việc cuộc sống tại đó thật thần tiên, ta nhìn cảnh mặt trời lặn trong sự tĩnh mịch vân vân...Tôi tính coi phải mất bao nhiêu tiền mua vé máy bay, rồi tiền tiêu tại nơi. Với đồng lương của một nội trú thì chắc chắn không đủ, tôi sẽ đi làm thay cho những người khác. Tôi ngây ngô tin rằng với tất cả số tiền đó mình sẽ có thể cùng với Lan Thanh đi dự Hội Nghị Subud Thế Giới Thứ Tư ở Tjilandak.

Ngay sau khi tôi được khai mở có một thông tri cho biết sẽ cấp hai học bổng cho sinh viên y khoa đi học về Dinh Dưỡng, và điều này thì không cần phải là y sĩ để nộp đơn xin đi. Hồi đó, như tất cả các nội trú bệnh viện của Sài Gòn, tôi đã ghi tên vào hai danh sách, một cho đại học Yale và một cho đại học Nihon tại Tokyo, và chỉ việc đợi chờ sự trở về của người nội trú đi trước mình.

Trên nguyên tắc, tôi có thể ra đi trễ nhất là trong năm 1972 hay 1973, nhưng sự kêu gọi của Subud mãnh liệt hơn, nhất là chúng tôi đã có ý định ra đi mà không trở về. Từ lúc Lan Thanh và tôi nộp đơn và bởi vì không ai muốn đi Nam Dương (người ta cho là không ngon bằng đi Mỹ hay Pháp chẳng hạn) nên chúng tôi nhận được học bổng không mấy khó khăn.

Với Lan Thanh mọi chuyện có vẻ như êm đẹp, nhưng về phần tôi thì bắt đầu có những khó khăn: sinh viên rồi giáo sư đình công. Khi tôi đích thân đến gặp ông hiệu trưởng để xin cho mình được đi sớm hơn bất chấp những thủ tục, ông nhận xét là không hiểu tại sao đã có tên trong danh sách những người đi Mỹ và Tokio mà tôi lại không chịu đi để đòi đến một đất nước thấp kém của những kẻ da đen thui. Nhưng rồi ông cũng chấp thuận với điều kiện là trước khi đi tôi phải qua được những kỳ thi cuối khoá, và được miễn làm luận án.

Tôi cũng còn phải đến gặp các trưởng ban để sắp xếp các kỳ thi với tư cách cá nhân, vì các giáo sư đang đình công. Vì tất cả những khó khăn đó, nhiều người đã khuyên tôi nên bỏ cuộc. Tôi cố gắng hết sức để có thể ra đi. Lan Thanh cho tôi hay là nếu muốn đạt được những gì thuộc vật chất thì chỉ việc trai giới. Tôi đã có kinh nghiệm về trai giới trước lúc khai mở, vì Lan Thanh đã từng trai giới: tôi muốn biết coi nó khiến mình cảm giác như thế nào, nó thật khó chịu, tôi không thể làm gì nhiều hơn, chỉ những gì là tối thiểu.

Nên tôi trai giới không chỉ hai mà ba lần mỗi tuần, mà không thấy khó khăn như trước khi vào Subud. Lan Thanh dẫn tôi nhiều lần đến gặp ông Vũ Đình Mẫn, để ông bói một quẻ dịch coi xem khi nào tôi ra đi. Ông xác nhận là tôi sẽ ra đi, nhưng khi bói cho Lan Thanh hai hay ba lần ông không thấy gì hết. Trong khi đó thì có những khó khăn khác với những thuộc cấp in roneo những giấy tờ cho phép chúng tôi ra đi để làm hộ chiếu. Nhờ bà dì ghê tôi tặng một kí nho và một kí táo cho chánh văn phòng Bộ Quốc Gia Giáo Dục, và một cây thuốc lá Malboro cho những nhân viên cấp dưới in roneo, chúng tôi rút cuộc lấy được hộ chiếu. Nhưng thay vì có hộ chiếu thông thường cho sinh viên của Bộ Nội Vụ, chúng tôi được cấp cho hộ chiếu của chức viên Bộ Ngoại Giao, vì ngày nhập học tại Đại Học Nam Dương đã quá hạn.

Trong khi đó thì chúng tôi vẫn không biết sẽ phải qua nước nào xin visa vào Nam Dương. Có ai đó, và chúng tôi cũng vậy, đã nghĩ rằng theo lô-gích thì phải qua Singapour hay Kuluar Lumpur, nhưng tôi có một giấc

mơ thấy mình qua Bangkok. Quả thực chúng tôi đã phải qua Bangkok để xin visa. Cuối cùng chúng tôi lên đường ngày 8 tháng 8 năm 1970.

Nhờ hộ chiếu nhân viên ngoại giao, chúng tôi qua hải quan không cần thủ tục, với xe hơi của một tùy viên quân sự hay văn hoá của sứ quán đến đón, ngay khi mình xuống máy bay. Được vậy là nhờ chị Tuyết đã đỡ đỡ cho một người bà con của tùy viên đó. Một khi đến Bangkok chúng tôi được cho tạm trú tại nhà một người bà con khác của tùy viên, một kẻ rất giàu có có nhà tại một khu sang trọng của Bangkok. Sau ba ngày hai đêm ở Bangkok, chúng tôi lại lên máy bay đi Djakarta, và đến đó ngày 10 tháng 8 năm 1970, nơi chúng tôi được nồng nhiệt tiếp đón nhờ hộ chiếu mình.

Tuy bụi bặm và đầy rác rưởi ngoài trời, Djakarta lớn hơn Sài Gòn nhiều, và tuy không hẳn đẹp bằng nhưng cũng có thể coi là đẹp. Xe hơi đưa chúng tôi đi qua thành phố, và tôi trông thấy những pho tượng trong giấc mơ đầu của mình: điều này chứng tỏ đó là một giấc mơ báo hiệu mà tôi có trong năm 1969.

Trái với những gì chúng tôi nghĩ trước khi tới Djakarta, không có bao nhiêu người từng nghe nói tới Subud, về Wisma Subud ở Tjilandak thì lại còn ít hơn. Đặc biệt Tjilandak là một nơi người ta cho là không nên biết tới. Chúng tôi đến cư xá của đại học tại đường Rawamangung là một biệt thự rộng lớn trong khu Universitas Indonesia. Đó là một đại học quốc gia đầu tiên. Trong thành phố còn có những người khác được học bổng của SEAMEO (South East Asia Ministers of Education Organisation): ba y sĩ nam của Nam Dương, hai y sĩ nữ của Phi Luật Tân, một người nam và hai người nữ trẻ, tất cả đều là những BS của Thái Lan.

Ngày hôm sau chúng tôi cho gửi một bức thư tới hai bác Giác Duyên tại Wisma Subud Tjilandak. Chỉ không đầy một tuần sau bác Giác Duyên đến cư xá để chỉ cho chúng tôi đường đi. Bác Giác Duyên nói chính anh Insiah Arnold, một người học môn văn chương Nam Dương ở đại học này, là người đã dẫn và chỉ cho mình đường đi. Từ khu đại học ở Tjilandak, khoảng cách là 19km: phải lấy một xe buýt cách đây không xa đi tới trạm cuối cùng, rồi lấy một xe buýt khác tới khu A; từ khu A lấy một bemo (như loại xe Lambretta ở Sài Gòn) đến Wisma Subud. Đi tới đó mất tất cả là hai tiếng đồng hồ, nếu không là hơn.

Khi tôi tới Wisma Subud, quang cảnh tại đó trông rất quen thuộc với mình: tôi nhận ra những cây mít, căn nhà của cặp Usman, phòng tập latihan, tất cả trông y hệt như trong giấc mơ đầu tiên mà thực chất là một giấc mơ báo hiệu. Hồi đó Bapak còn đang ở nước ngoài, nơi nào đó tại Âu Châu hay bên Mỹ, theo những gì người ta nói. Sau một khoảng thời gian, chúng tôi có thể tự mình đi được, và mỗi chủ nhật đều tới Tjilandak để tập latihan. Không như ở Sài Gòn là nơi không có phụ tá nào cho biết lúc bắt đầu và lúc chấm dứt tập, vì anh Muliono Phương là người bấm chuông cho biết lúc tập.

Nơi đây tại Tjilandak, vì là một nơi rộng lớn, đến lúc tập mọi người đều đứng dậy theo sự ra hiệu của một phụ tá, nhưng tôi không nghe thấy phụ tá nói gì, nhất là bằng tiếng Nam Dương. Điều thú vị là ở đây tôi có thể tập latihan tới 45 phút mà không ai cản mình. Tôi có thể chạy nhảy, cử động cánh tay và bàn tay theo ý muốn, ca hát đình tai nhức óc, mà không làm phiền ai.

Thời kì đó là lúc tôi thấy nhức đầu kinh khủng, nhất là mỗi khi không đến Tjilandak. Tôi lo sợ người ta sẽ đọc được tư tưởng mình, biết được những bí mật của mình. Hai bác Giác Nguyên nhiều lần dẫn chúng tôi đến gặp Sudarto, Ibu Subardjo, Aminah và Usman. Ulfiah cũng đã hẹn gặp chúng tôi nhưng lại hủy bỏ buổi hẹn vì chúng nhức đầu. Thực ra, chúng tôi chỉ có thể gặp bà một hay hai lần, vì bà nhanh chóng bị khủng hoảng thật trầm trọng, điều này kéo dài khá lâu cho tới lúc có Hội Nghị.

Rồi tới lúc Bapak trở về Nam Dương để dự Ramadhan. Chúng tôi tới Tjilandak thay vì đến phi trường như những người nước ngoài khác có phương tiện. Một chiếc xe đến với một người tuổi đã cao, chúng tôi chạy tới phía xe kêu la “Bapak, Bapak” nhưng người đó là Sudarto, ông ra ra dấu hiệu cho biết mình không là Bapak, rồi nói những gì đó mà chúng tôi cũng hiểu được là Bapak sắp tới.

Quả thực Bapak đã đến, nhưng khi người đi ngang qua ngay trước mặt tôi, cách khoảng 50 cm, tôi không trông thấy gì vì mình đang tìm kiếm Bapak tại một nơi xa hơn. Mọi người đều đến căn nhà rộng lớn của Bapak để làm sungkum. Hồi đó tôi mặc một chiếc váy ngắn tới trên đầu gối, và đợi chờ tới phiên mình, nhưng mình chẳng cảm thấy có gì đặc biệt nơi người đàn ông này mà những người Nam Dương, và ngay cả những người Tây phương, đều cung kính đến quỳ gối trước mặt ông.

Tôi tự hỏi mình là không biết sẽ phải làm như thế nào đây, vì mình không cảm thấy y như họ, và cũng không hứng thú. Nhưng chẳng bao

lâu sau đó khi tôi đến trước mặt Bapak, không những đầu gối tôi đã tự động quỳ xuống, mà đầu tôi còn cúi xuống phía dưới đầu gối mình, và đồng thời tôi cũng cảm thấy xấu hổ về cách ăn mặc của mình. Tôi cảm thấy như mình trần truồng trước mặt Bapak, và tự hứa với mình là lần sau mình sẽ ăn mặc kín đáo hơn. Với Ibu thì tôi đứng bắt tay bà. Với những nhân vật khác trong gia đình bà, tôi cũng không cảm thấy có gì đặc biệt.

Khi nhìn những người khác làm sungkum một cách cực kì cung kính, tôi tự nói với mình nếu một ngày nào đó cũng có thể làm y hệt như họ, tôi sẽ biết được Bapak thực sự là ai. Hồi đó Bapak có nhiều buổi nói chuyện, và tôi nghe thấy bác Giác Nguyên kể lại là bác đã nhận được những sức mạnh như những đợt sóng rất mạnh thoát ra từ Bapak để nhập vào thân thể mình.

Ban đầu khi dự những buổi nói chuyện của Bapak, chúng tôi chỉ muốn ngủ, một cơn buồn ngủ không cưỡng nổi, ngay cả khi lúc đó là ban ngày. Bác Giác Nguyên nói rằng đó là vì mình suy nghĩ quá nhiều, mình cần phải ngủ để cho linh hồn có thể nghe được những gì mà nó cần. Trong thời kì đó, như bác Giác Nguyên tôi thỉnh thoảng cảm thấy những đợt sóng mãnh liệt tràn vào nơi mình. Tôi nghĩ đó là điều gì rất thông thường với các hội viên Subud.

Ngay sau khi trở về, Bapak tuyên bố là trong năm nay Ramadhan bắt đầu ngày 31 tháng 8 năm 1970. Chúng tôi nhìn lịch và đó đúng là ngày có một cái chấm đen xi bên cạnh. Lan Thanh và tôi thường bắt đầu vào ngày trong dương lịch người ta đặt một cái chấm đen để đánh dấu ngày trăng tròn. Tại cư xá người ta thông tin cho chúng tôi về những gì sẽ xảy ra trong tháng Ramadhan, và sẽ dọn ăn thích đáng cho ba y sĩ Nam Dương. Người ta hỏi là nếu chúng tôi muốn như những người Nam Dương, họ cũng làm với chúng tôi y như vậy. Lan Thanh và tôi yêu cầu cũng được làm Ramadhan.

Vậy có 5 người theo làm Ramadhan, và 5 người thì không. Những người khác lấy làm ngạc nhiên thấy chúng tôi làm Ramadhan, vì không có gì là bắt buộc. Bác Giác Nguyên đến cho chúng tôi hay ngày tháng, và khuyên chúng tôi cuối tuần đến Tjilandak, vì tại đó có thể dễ dàng làm hơn nhờ môi trường. Chúng tôi thuê một căn phòng, và trả tiền cho một bữa ăn trọn vẹn mỗi cuối tuần của tháng Ramadhan. Sau buổi học ngày thứ sáu chúng tôi về cư xá và thường đợi làm buka trước khi

đi Tjilandak.

Tôi không hiểu tại sao nhiều lần trên đường đi Lan Thanh đã phải nôn mửa ra ngoài đường, trước khi lấy xe buýt để tiếp tục đi. Theo sự chẩn đoán không thay đổi của tôi thì đó là bởi vì cô đã không ăn uống đúng cách khiến mắc bệnh trong lúc đi xe. Vậy nên, cô phải ăn uống đầy đủ trước khi đi, nhưng càng ăn nhiều, cô lại càng nôn mửa. Lần cuối cùng cô nôn mửa nhiều tới nỗi tôi nghĩ cô sẽ chết. Tôi không dám ép cô ăn uống nữa; kể từ đó trở đi cô không còn nôn mửa nữa.

Tôi trai giới một cách nghiêm chỉnh, vì đầu óc mình luôn suy nghĩ; như một cái máy turbine nó không ngừng quay. Tôi nghĩ tới bố mình, tại sao ông đã không viết thư hay hồi đáp cho tôi, khi tôi đều đặn gửi thư cho ông; có lẽ ông đã giận tôi, và đây là cơ hội để tổng khử tôi. Tôi khóc rất nhiều, và nhất là bị nhức đầu. Một hôm, thay vì thức dậy đúng giờ để làm saur, tôi ngủ và không có gì để ăn, và Lan Thanh đã cho tôi một chút những gì là thức ăn của cô. Tôi nghĩ là cô cũng đã ngủ quên.

Đó cũng lại là ngày Ibu mời ăn những chiếc bánh mà bà đã làm. Nên tôi cũng khóc vì điều đó. Một lần khác, tôi đánh rớt phần ăn có thịt thà của mình, và tất nhiên người ta không thể cho tôi một phần ăn khác. Lan Thanh đã chia phần của cô cho tôi, và như thế tôi cũng khóc. Tóm lại, trong tháng Ramadhan đó, tôi hầu như không lúc nào không khóc. Buổi sáng ngày thứ 20, nghĩa là tối nay là đêm thứ 21, trên đường trở về Học Viện để thi cử, trong chiếc bemo đem chúng tôi tới đó, tôi nói với Lan Thanh là chúng ta đã mất nhiều thời gian ở Tjilandak mà không chuẩn bị được cho các kì thi như các bạn bè mình, và như vậy thì không mấy tốt cho Việt Nam. Nhưng cũng không sao hết, mặc kệ.

Chợt nhiên đầu óc tôi trở nên trống rỗng không còn suy nghĩ về bất cứ gì, về những chuyện luôn khiến bị nhiễu loạn hay những chuyện khác. Đầu óc tôi chợt trở nên nhẹ nhõm như mình đang trên thiên đàng, trở nên trống rỗng, không bị ràng buộc, không phải chịu bất cứ gánh nặng nào, tất cả những cái đó như được lấy đi hết, một cách đột ngột. Trong lớp, khi nhận những tờ gấp có những câu hỏi với nhiều lựa chọn và một vài câu hỏi phải trả lời bằng bài viết, thêm vào đó là những bài toán thống kê, tôi nhìn tất cả những cái đó và nghĩ thật đáng đời cho mình: mình đã không chuẩn bị gì hết, nên phải chịu hậu quả. Dù sao tôi cũng cố gắng giải đáp. Giáo sư đi ngang qua mỗi bàn nhìn chúng tôi làm bài, ông hỏi tôi từ đâu đến rồi tiếp tục đi.

Tôi nhận thấy mình viết rất nhanh, bàn tay tôi tự nó hay đúng ra có ai làm cho nó viết, và tôi chỉ việc tuân theo. Cuối cùng tôi nộp bài. Giáo sư không tốn nhiều thì giờ để cho biết kết quả, vì chúng tôi chỉ cỡ 10 người. Kết quả ngoài sự mong đợi của tôi, tôi được điểm cao nhất - tức là đứng nhất - cùng với một chị Phi Luật Tân đã học hành ngày đêm trong suốt lúc đó.

Một chị Phi Luật Tân khác đến Nam Dương ngay sau khi chúng tôi đến, nhưng điểm của cô chỉ phân nửa điểm của chúng tôi, kể đến là Lan Thanh với điểm trung bình, và kể nữa là một anh Nam Dương, rồi một chị Thái Lan, một anh Nam Dương vân vân. Buổi tối, Bapak có một buổi nói chuyện, nhưng cho những hội viên hơn 5 năm. Tôi thất vọng vô cùng, nhất là sau khi Lan Thanh kể cho tôi hay Bapak nói về những chứng nghiệm như tôi có sáng hôm đó, để mình giải thể nào là Qadar. Sau đó, Bapak có những buổi nói chuyện trong đêm 23, 25, 27 và Idul Fitru. Tôi mua vải để tự tay mình may một chiếc váy và mộ bờ lu đơn giản, nhưng phải trông thật đàng hoàng để có thể đến trước mặt Bapak dự những buổi nói chuyện.

Sau Ramadhan khoá học của chúng phải tiếp tục trong một tháng tại Bogor, sau ngày 30 tháng 10 năm 1970, rồi trong 10 ngày tại Bali vào tháng Giêng năm 1971. Trong buổi latihan cuối cùng tại Tjilandak trước khi đi Bali, Ibu Sumari làm latihan trước mặt tôi một lúc khá lâu. Nhờ mở mắt ra tôi trông thấy bà. Bác Sri Mastuti nói tôi đã may mắn được Ibu tập latihan với mình, và tôi còn nhớ là Ibu đã chào tạm biệt trong khi cầu nguyện cho chúng tôi. Tôi không ngờ đó là lần cuối cùng được gặp Ibu Sumari.

Vài ngày trước khi đi Bogor, tôi bị đau ốm và nôn mửa tất cả những gì mình nuốt vào, khiến trở nên yếu mệt và gầy ốm đi nhiều. Trong thời kì đó, tôi trông thấy Bapak xuyên qua sàn nhà mình trong căn phòng mình nơi lầu một. Thế rồi chúng tôi cũng phải đi Bogor, tôi đã hồi phục để đủ sức ra đi, nhưng một khi đã chuẩn bị xong xuôi tôi lại đau ốm như khi ở cư xá. Lần này người ta kêu y sĩ của đại học đến, nhưng khi ông đến tôi lại mạnh khỏe. Chỉ sau khi ông đi tôi mới đau ốm trở lại, khiến cho người ta nói rằng tôi làm bộ đau ốm để khỏi phải đi học.

Mọi người đều thấy rõ tôi đã thực sự nôn mửa, ngay cả khi dùng những thuốc mà y sĩ cho. Tôi yêu cầu người ta liên lạc với một phụ tá ở Bogor để dẫn tôi đi tập latihan, ngay cả một latihan đặc biệt, nhưng phụ tá nói

là tôi có thể tập latihan nhóm. Khi phụ tá đến tìm tôi với Lan Thanh, tôi hầu như không thể đi đứng được, tuy có hai người bên cạnh giúp mình. Tôi yếu sức đến nỗi phụ tá không muốn cho có một phụ nữ tại cư xá đại học đi theo chúng tôi, và tất nhiên người phụ nữ đó đã không hài lòng vì bị từ chối. Khi trở về cư xá tôi luôn còn mạnh khỏe, mạnh khỏe hơn nhiều vì có thể tự mình đi đứng.

Trong cái latihan đầu tiên tại Bogor, chính trong cái trạng thái đó tôi cảm thấy những đợt sóng mãnh liệt y như trước xuất phát từ người nữ phụ tá đến tập latihan trước mặt mình. Ngoài ra, bà còn đụng vào người tôi với bàn tay mình, từ bàn tay bà tôi cảm thấy một sức nóng êm dịu bao bọc lấy thân thể mình tiếp theo những đợt sóng ồ ạt như tôi đã từng cảm thấy bên cạnh Bapak. Điều đó xác nhận cho tôi thấy một phụ tá của Bapak có quyền hành y như Bapak mà Thượng Đế đã truyền cho. Việc này thì tôi không nghi ngờ chút nào.

Nhưng phải nhận rằng sau này khi tôi kể lại chuyện đó cho một vị nọ ở Paris muốn có những cử chỉ y như vị phụ tá nói trên thì lại chẳng được việc gì: thay vì sức nóng tôi cảm thấy một hơi lạnh của xác chết thật khó chịu khiến tôi phải tránh xa vị đó. Có lần khi tôi có vấn đề, Srigati (mẹ Lan Thanh) tập latihan với tôi, và tôi cũng nhận được một sức mạnh y như vậy xuất phát từ bà. Sau này một trong những vị nữ phụ tá Pháp đến làm trắc nghiệm với tôi để đề nghị tôi làm phụ tá, tôi nhận được một sức mạnh y như vậy ồ ạt xuất phát từ Bapak.

Sau khoảng một tuần tôi bắt đầu hồi phục, và một hôm nọ khi cảm thấy đã mạnh khỏe hẳn, tôi cảm thấy rất muốn đi gặp Bapak, dù chỉ trong chốc lát. Tôi nhất quyết sẽ đi gặp người. Tôi nói chuyện đó với Lan Thanh, và cô đồng ý cùng tôi đi từ Bogor tới Tjilandak. Bogor cách Tjilandak khoảng 40 hay 60 km, và điều này thì tùy thuộc nơi mình đến.

Chúng tôi đi khỏi Bogor rất sớm, hầu như với chuyến xe đầu tiên. Khi đến Tjilandak, chúng tôi chỉ vừa đủ thời gian để nhìn thấy Bapak đang trò chuyện cùng Usman nơi hiên nhà. Chúng tôi lập tức lấy bombo đi về, và tới trạm cuối lúc 21 giờ. Trời đã đen tối, trên đường chỉ có một mình chúng tôi, và như có cánh chân tôi bay bổng trên mặt đất, đem tôi cùng Lan Thanh về cư xá trong một tích tắc đồng hồ.

Kể đến chúng tôi đi Bali. Nơi này từ đầu tới cuối chỉ có những kỉ niệm

không tốt đẹp, nên tôi nói với Lan Thanh mình sẽ chỉ trở lại hoặc với chồng mình, hoặc không bao giờ. Thực vậy, tôi trở lại với Arnaud trong năm 2001, nhưng Bali đã thay đổi thật nhiều và mất đi những ảnh hưởng xấu hại của nó vì sự phát triển của du lịch. Chính ở Bali một trong những giáo sư là con một nhà vua, đã coi chỉ tay cho tôi hay điều gì như vậy. Ông tiên đoán Lan Thanh và tôi sẽ du hành rất nhiều, và sẽ không bao giờ trở về Việt Nam nữa.

Có một cô bạn Thái Lan mà chúng tôi dẫn vào Subud, cũng nói một điều tương tự với tử vi Thái Lan. Cô nói là tôi sẽ du hành nhiều và sẽ không chết ở quê hương. Với Lan Thanh thì cũng thế.

Chúng tôi trở về Jakarta, và đã mua một tấm thiệp chúc sinh nhật cho Ibu Sumari. Trong lúc thức đêm tôi trông thấy những lễ tang nhưng thiếu thân xác bà, một cái gì trông như một chiếc giường lớn, phía trên phủ kín và chung quanh có những tấm vải như vải batic đủ kiểu. Trong đầu óc tôi, đó là những lễ tang của Ibu Sumari, nhưng theo sự suy đoán của tôi thì trông không giống chút nào với những lễ tang. Sáng hôm sau, bác Giác Duyên đến cho chúng tôi hay Ibu Sumari đã qua đời.

Chúng tôi đi dự đám tang của Ibu, và chỉ lúc đó tôi mới biết không là bà, mà là Ibu Rochanawati đã quá cố là mẹ của 5 đứa con nhỏ đang sống với Bapak: Tuti, Adji, Muti, Indra và Tiqna. Theo tập tục sau sự quá cố thì có 40 đêm trong đó mọi người trong gia đình và các bạn bè làm một buổi lễ dưới sự điều khiển của một Imam: người ta thức suốt đêm để lần lượt tụng kinh Koran; khi xong thì bắt đầu trở lại.

Bác Giác Nguyên đến kiểm chúng tôi sau 10 ngày đầu tiên, và nói rằng những ngày đó là cho các thân nhân, và trong 30 ngày kế tiếp những người khác có thể tham dự nếu muốn. Bác nói rằng đây là một dịp hiếm có để được gần cận Bapak mà mình không thể bỏ mất. Bác đề nghị cho chúng tôi ở trọ ban đêm sau khi học xong, và đến sáng chúng tôi lấy xe buýt để tiếp tục đi học.

Độ một vài ngày sau bác Giác Nguyên nói rằng người ta đã để ý sự hiện diện của chúng tôi, và bắt đầu kiểm chuyện: họ muốn lấy tiền ở trọ

của chúng tôi, như vậy tốt hơn chúng tôi đi dự tụng kinh Koran, rồi sau đó đi học. Chúng tôi chịu làm vậy mà không phản đối, cũng không biết rằng trời đã tối nhưng chỉ có hai chúng tôi là những phụ nữ trẻ đi ngoài đường mà trên đầu không mang gì, không thể tự vệ, trên một đoạn đường hơn 20 km, như vậy thật nguy hiểm.

Trong thời kì đó nhiều lần tôi cảm thấy có một sức mạnh che chở bao bọc mình từ đầu tới chân, nhiều khi như một cơn lốc xoáy trên đầu mình. Tôi biết chúng tôi được che chở. Hiện nay chúng tôi không biết mình còn can đảm làm vậy nữa hay không. Trong một đêm đầu tiên nọ, chúng tôi đến Căn Nhà Lớn (tư gia của Bapak) thật sớm, phòng khách vắng tanh, chỉ có TV được mở để thiên hạ khỏi nóng ruột. Tôi trông thấy có những người ngồi coi TV, và cảm thấy như vậy là không thích đáng, vì chúng tôi đến vì Ibu, chứ không phải để coi TV.

Cuối cùng Bapak cùng gia đình đã đến, người ta bắt đầu tụng kinh, và tôi cảm thấy một sức nóng thoải mái xuất phát từ nơi Bapak tới mình, kể đến là những đợt sóng ồ ạt tuôn vào thân thể mình. Tôi hiểu được tại sao bác Giác Nguyên đã hết sức cố nài để chúng tôi đến dự. Những đêm kể tiếp trôi qua, người ta tụng kinh Coran bằng tiếng Ả Rập, tiếng Nam Dương và tiếng Anh.

Trong những lúc tụng kinh đó, khoảng giữa đêm tôi đột nhiên thấy buồn ngủ và đang cố sức chống lại cơn ngủ, thì chợt trông thấy Bapak trong ánh sáng màu vàng, một màu vàng sáng chói như được biểu thị trong giáo đường Công giáo bởi hào quang của Đức Ki Tô. Từ ánh sáng của Bapak có một hào quang như một đường thẳng đi xuyên qua những người trong gia đình Bapak là Ibu Rahayu, Ibu Ismana, Pak Haryono, Ibu Yati, Tuti, Muti, Indra, Tiqna, Pak Wiryohudoyo, và tất cả đều được cái hào quang đó bao quanh. Điều đó khiến tôi thức tỉnh, và kéo dài đủ lâu để tôi nhận thấy được đó không là giấc mơ. Tôi đã thấy rõ rệt được với cặp mắt của một người đang thức.

Tôi lập tức hiểu được điều này trong buổi nói chuyện của Ibu Rochanawati là nếu có thể vào nhà Bapak thì đó là một ân phước, bởi đó là điều linh hồn mình cần. Điều đó đã giúp tôi nhiều chịu đựng được sau này những khó khăn của cuộc sống. Tôi chỉ ở Cilindak có một năm nhưng có một Ramadhan tuyệt vời, được thức đêm với Bapak và đó là điều không gì trên thế giới mua chuộc được.

Những tháng còn lại tiếp theo thì không có gì đặc biệt, ngoại trừ đôi lúc có những đợt sóng dồn dập mà tôi tiếp nhận được. Lúc hết học bổng chúng tôi là ngày 15 tháng 6, chúng tôi đến Cilandak ở. Nhờ những khó khăn chúng tôi gặp lúc rời khỏi Sài Gòn, visa xuất hành của chúng tôi hết hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 1971.

Chúng tôi đến giúp căng màn trướng cho những căn nhà bằng tre để chuẩn bị cho Hội Nghị, và giúp ghi tên và làm những tấm phiếu cho những người đến dự, và điều này khiến cho trên thực tế tôi quen biết được mọi người trên khắp thế giới. Một buổi chiều nọ trong lúc chúng tôi đang nện búa trong những căn nhà bằng tre, Bapak đi tham quan coi công việc tiến hành ra sao, chính Muti đã làm cho Bapak thấy chúng tôi. Lần Bapak đến Paris Muti cũng là người làm cho Bapak thấy chúng tôi bằng cách làm cho Bapak nhớ lại chúng tôi là những người đã nện búa trong những căn nhà bằng tre. Mỗi lần cô đều dùng từ hammering.

Tôi còn có những chứng nghiệm khác, nhưng đó là những cái đáng chú ý nhất trong cuộc đời Subud mình. Khi viết lại những điều này, tôi muốn đóng góp cho sự việc là chứng nhân cho Subud và Bapak.

Dù chưa vào Subud, ta vẫn có thể trông thấy Bapak, nếu Thượng Đế muốn. Tôi đã gặp những hội viên được khai mở sau khi Bapak mất, họ nói với tôi rằng họ đã trông thấy Bapak, và tôi tin họ. Tôi cũng xác nhận những chứng nghiệm của những hội viên khác đã nghiệm được những gì y như tôi.

Nhờ tất cả những điều đó đức tin tôi không bao giờ bị lung lạc, và tôi hiểu được tại sao đã có những người chết vì đạo cho Đức Ki Tô hay cho tín ngưỡng mình. Tôi không còn dám kể lại những chuyện đó cho những ai muốn tìm hiểu Subud, vì có một vị nọ đã nói với tôi là “mình đang đợi chờ được kêu gọi như bạn để vào Subud.” Tôi chỉ kể lại cho những hội viên đã được khai mở. Xin được nhắc lại là tất cả những điều đó chỉ là của một chứng nhân: tôi may mắn được vào Subud trong lúc Bapak còn sống, được tập latihan trước mặt người, được trực tiếp làm trải nghiệm cùng người, được trông thấy người thực sự ra sao. Theo tôi nghĩ, mình đã may mắn và được rất nhiều ân phước.





Hội Nghị Subud Thế giới kỳ IV tại Tjilandak Nam Dương





Liên Hồng, Lan Thanh, Sri Mastuti và Mỹ Hạnh tại HNTG IV

